

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/01/2021

V/v ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Chiếu
2. Ông Phạm Văn Sáu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1973. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Cà Mau. Đăng ký tạm trú: Ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1970. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Cà Mau. Đăng ký tạm trú: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2020, và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, bà A trình bày: Bà A và ông B xây dựng hôn nhân năm 1991, không đăng ký kết hôn, bà A và ông B có hai con chung tên B1, sinh năm 1992 và B2, sinh năm 1994. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà A và ông B là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi, ông B thường xuyên bạo lực, đánh đập bà rất dã man. Bà và ông B đã sống ly thân hơn hai năm nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông B, không yêu cầu đoàn tụ; con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn ông B: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà ông B để tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để mời ông B đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông B không đến nên không ghi nhận được ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Không công nhận bà A và ông B là vợ chồng. Con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình bà A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà A yêu cầu ly hôn với ông B, hiện nay ông B đang tạm trú tại ấp I, xã K, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà A yêu cầu ly hôn với ông B do phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, không thể hàn gắn, bà A và ông B đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký

kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Do vậy, có đủ căn cứ không công nhận bà A và ông B là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có hai con chung tên B1, sinh năm 1992 và B2, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành, bà A không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định bà và ông B chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

- 1. Về hôn nhân:** Không công nhận bà A và ông B là vợ chồng.
- 2. Về con chung:** Cháu B1, sinh năm 1992 và B2, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- 3. Về tài sản chung, nợ chung** không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- 4. về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008317 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nên được chuyển thu án phí.

Bà A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.
Ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến